



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Bia Sài Gòn - Hà Nội

Ngày 30/06/2025	18,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-5.2%

DT thuần Q2/25
137
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 28.0 26.0%
YoY: ▼45.0 -24.6%

LN thuần Q2/25
8.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.54 712%
YoY: ▼10.1 -55.2%

LN sau thuế Q2/25
6.76
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.12 597%
YoY: ▼7.84 -53.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
6.1%
YoY: +/-▲ 7.3%

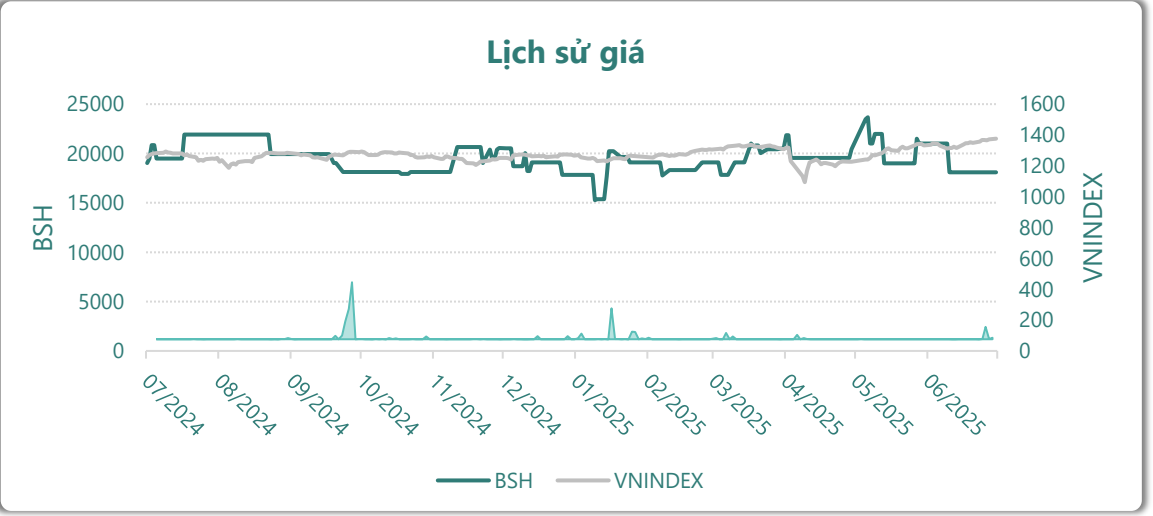
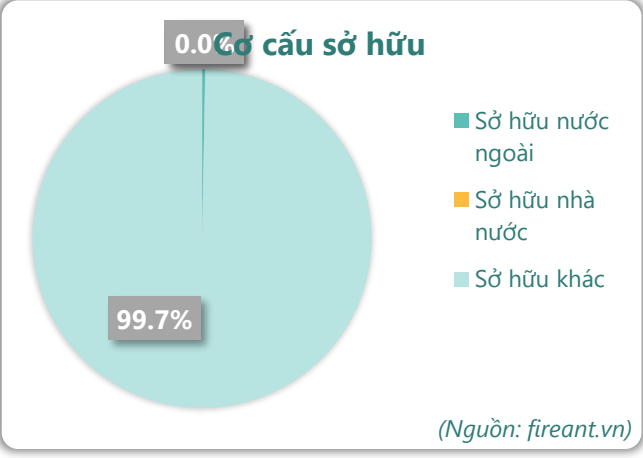
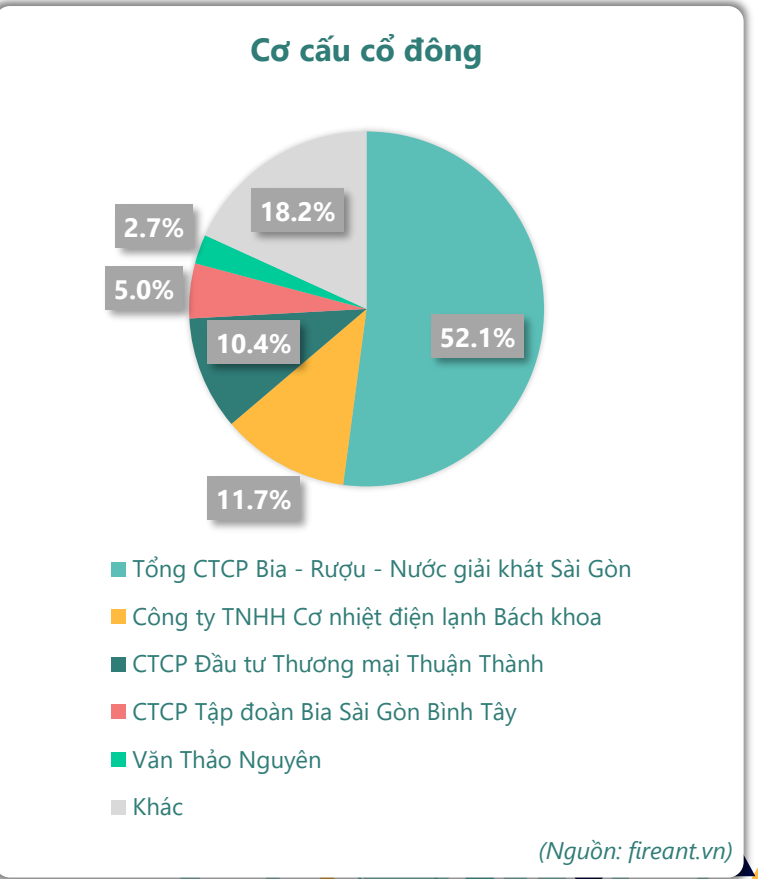
ROE (TTM) Q2/25
8.6%
YoY: +/-▼ 2.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	15,273 - 23,673
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	326
Số lượng CPLH (CP)	18,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.39
EPS	1,427
P/E	12.7

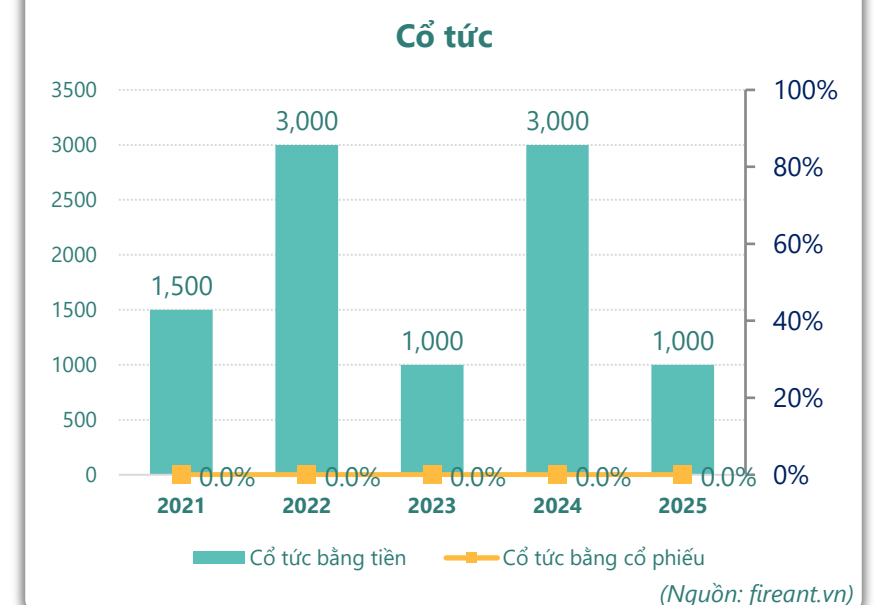
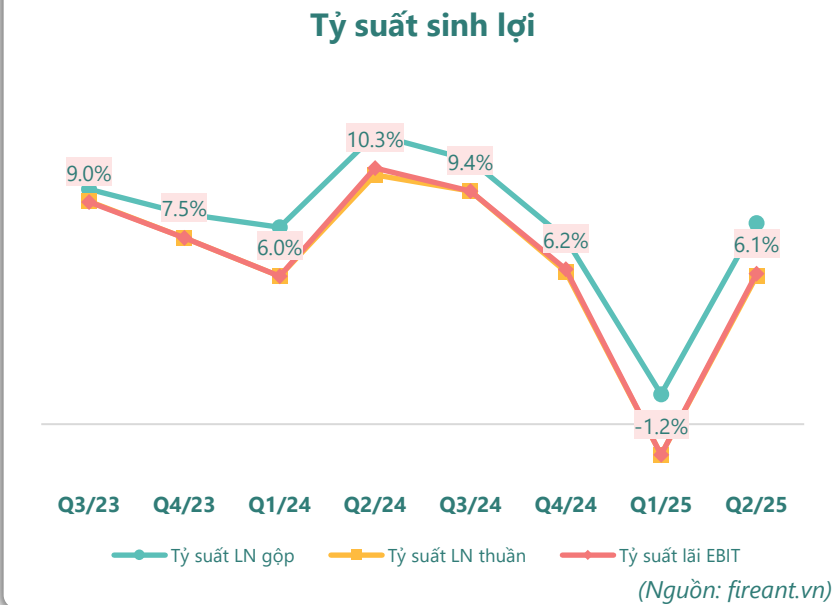
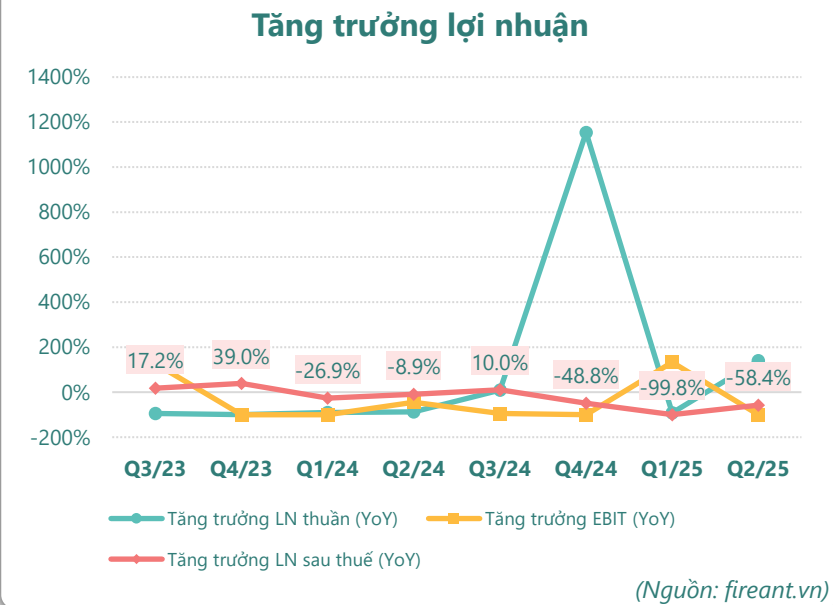
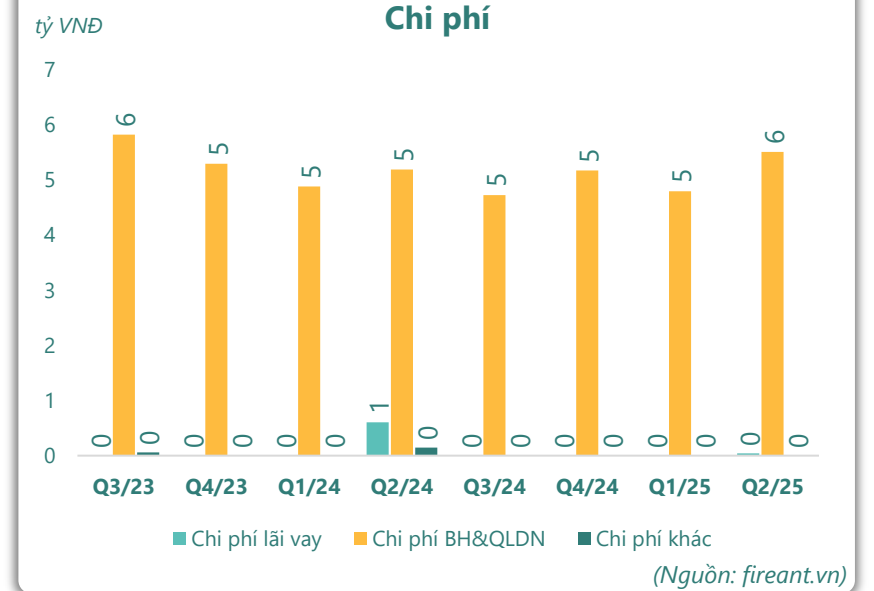
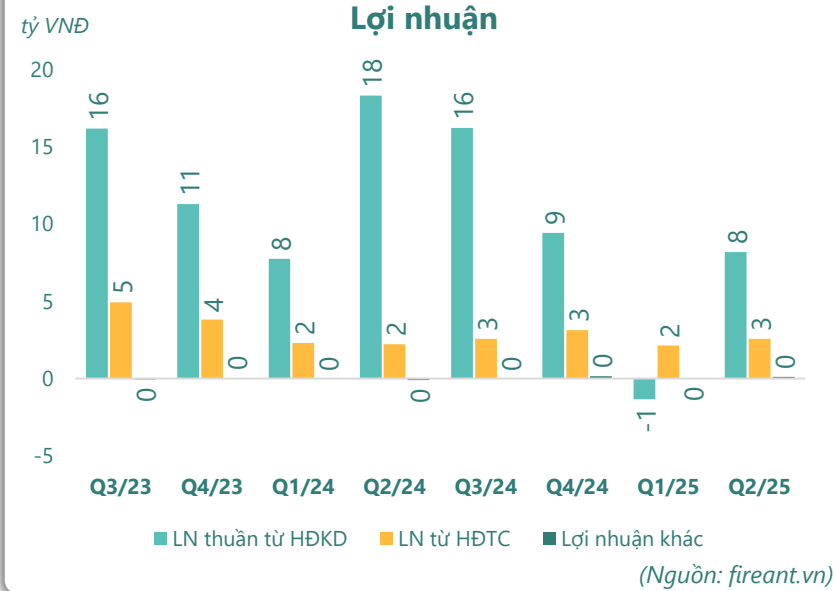
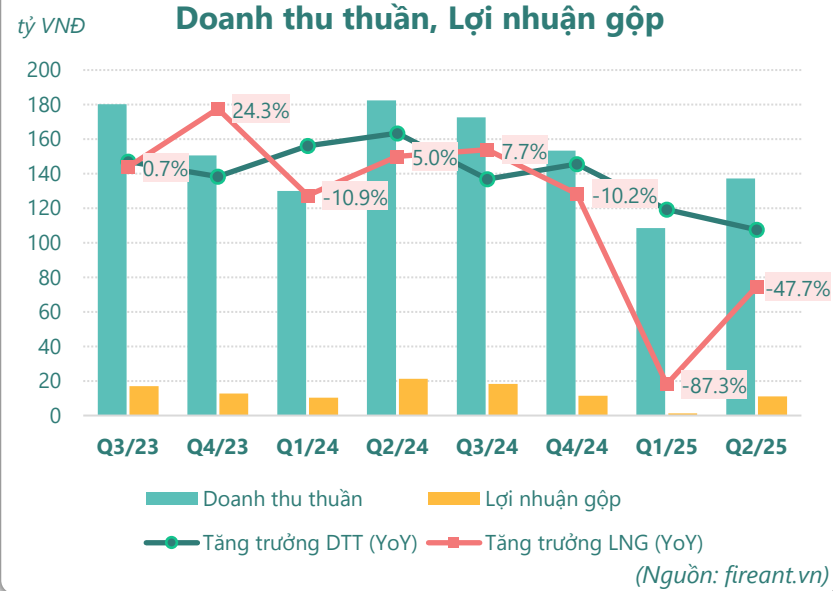
DT thuần 6T 2025
246
tỷ VNĐ
YoY: ▼66.0 -21.3%

LN thuần 6T 2025
6.86
tỷ VNĐ
YoY: ▼19.2 -73.7%

LN sau thuế 6T 2025
5.39
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.3 -73.9%



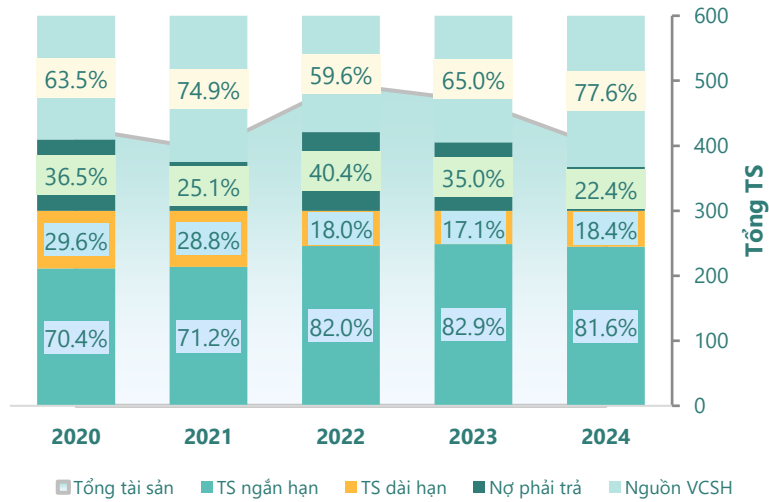
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

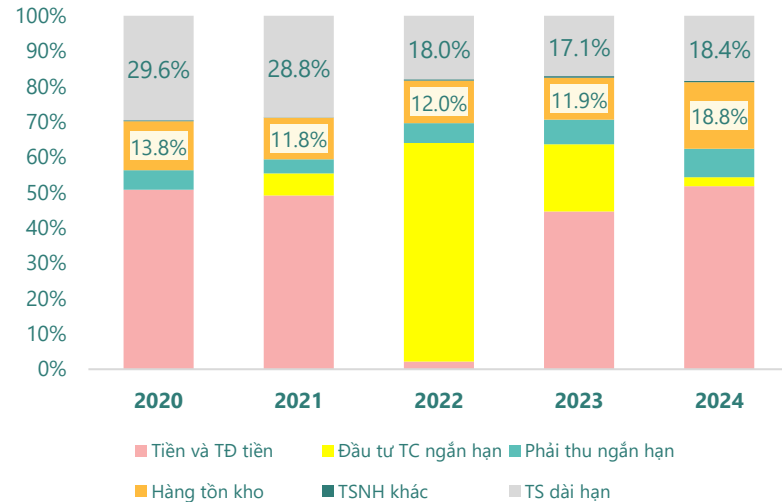
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

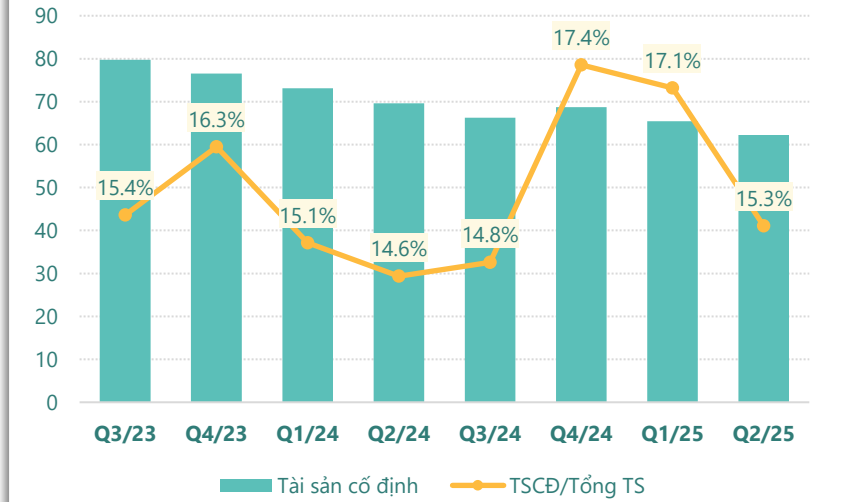
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

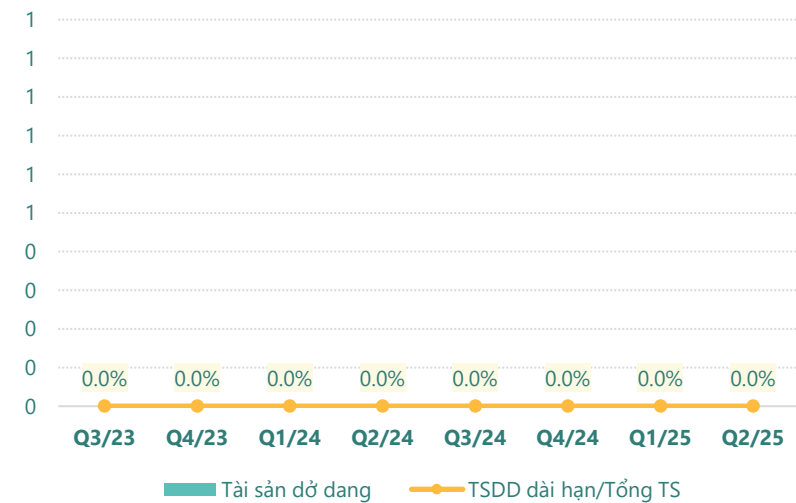
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

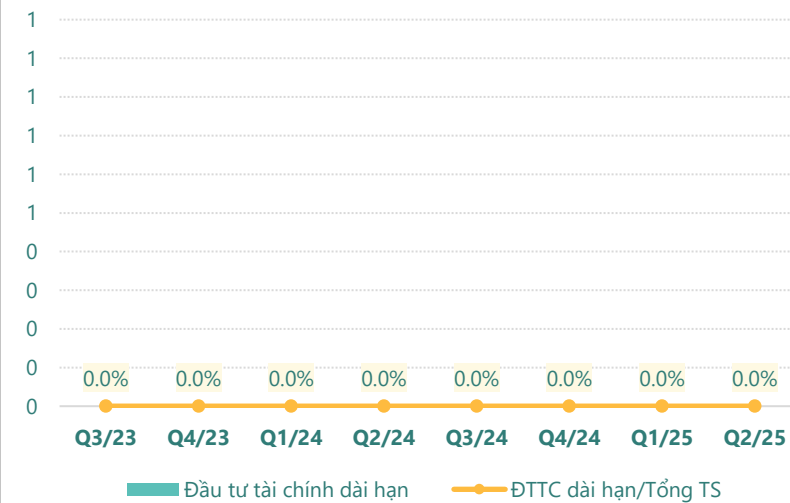
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

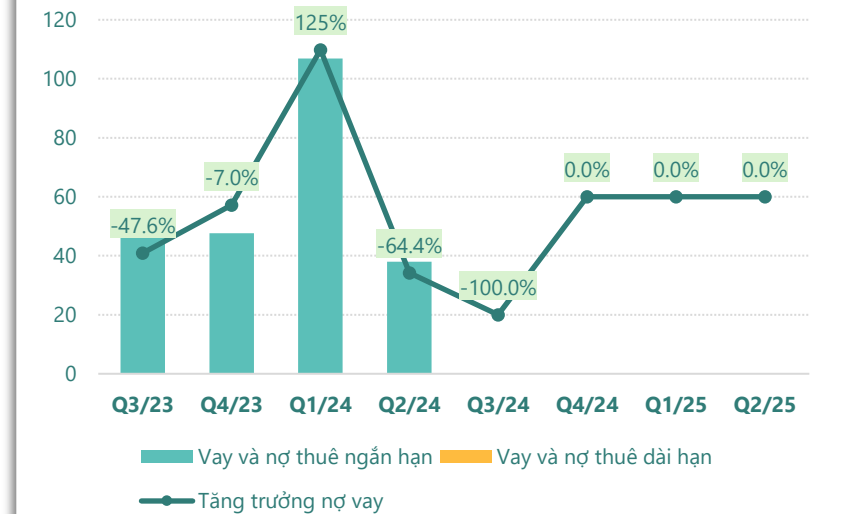
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

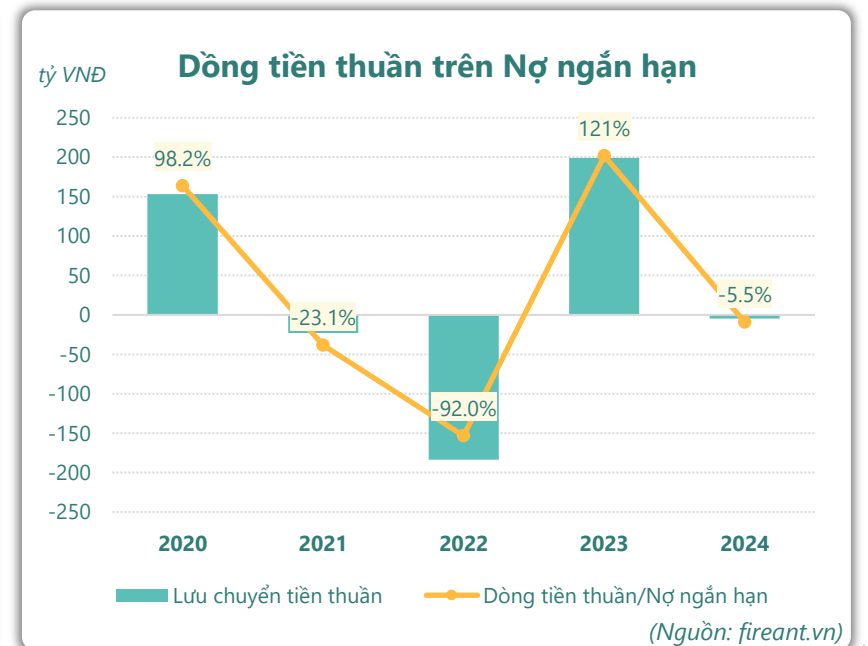
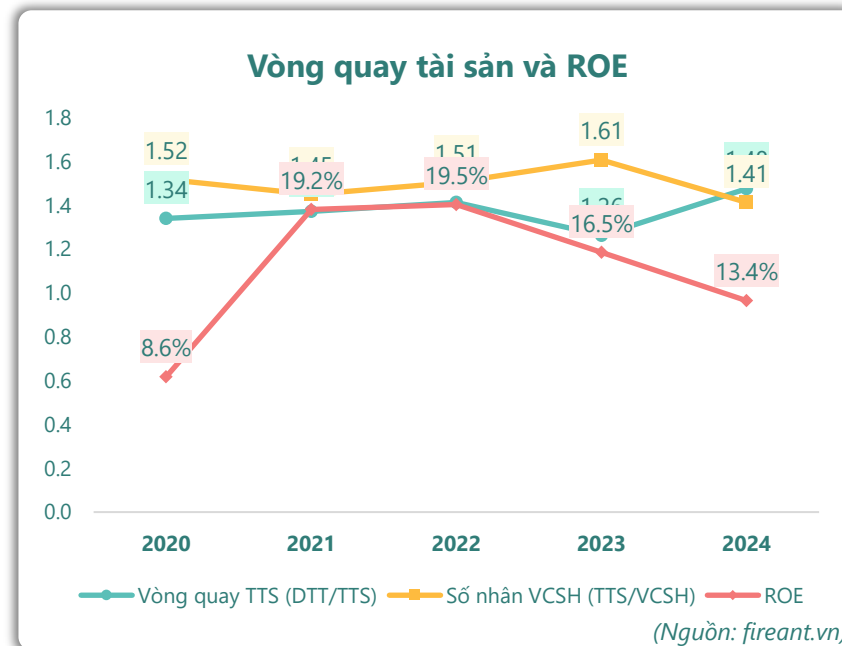
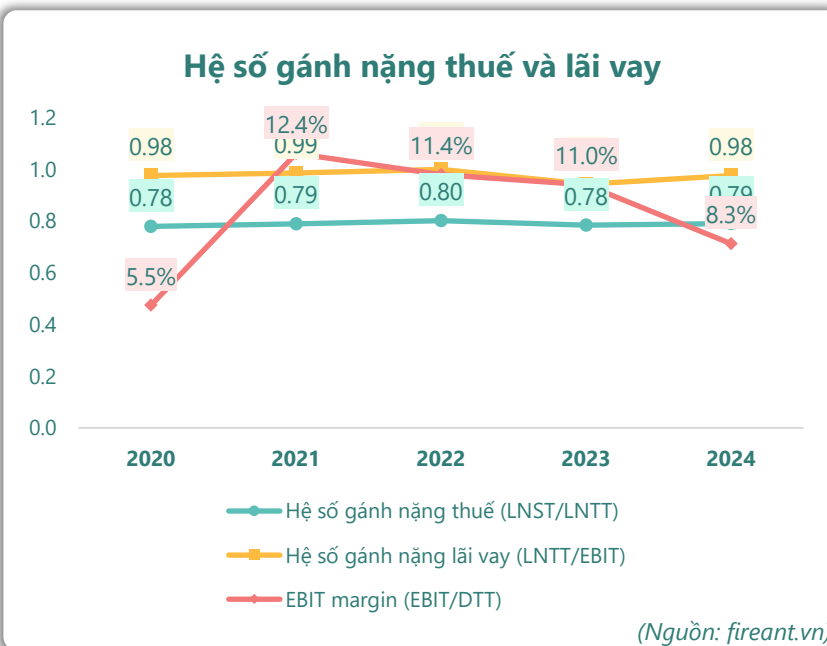
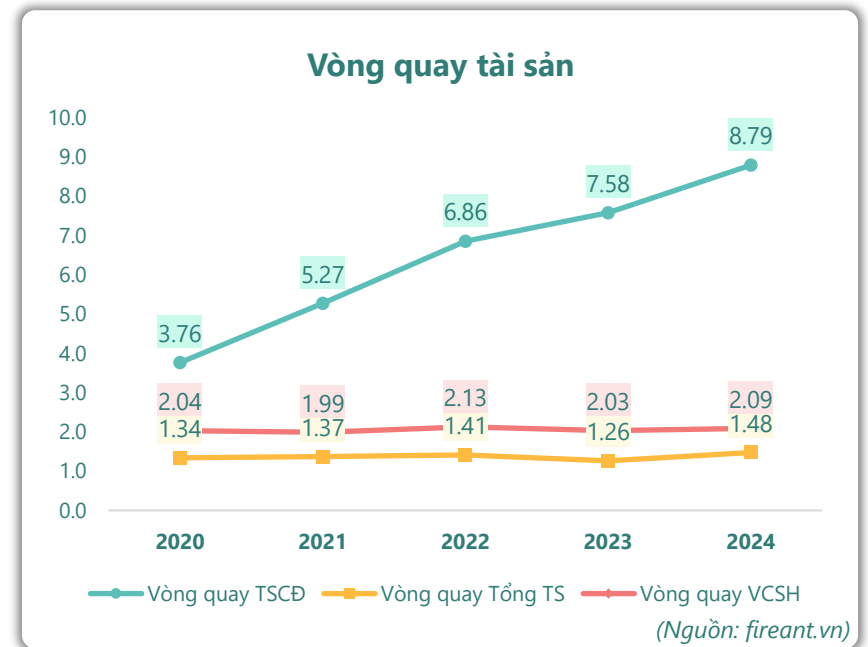
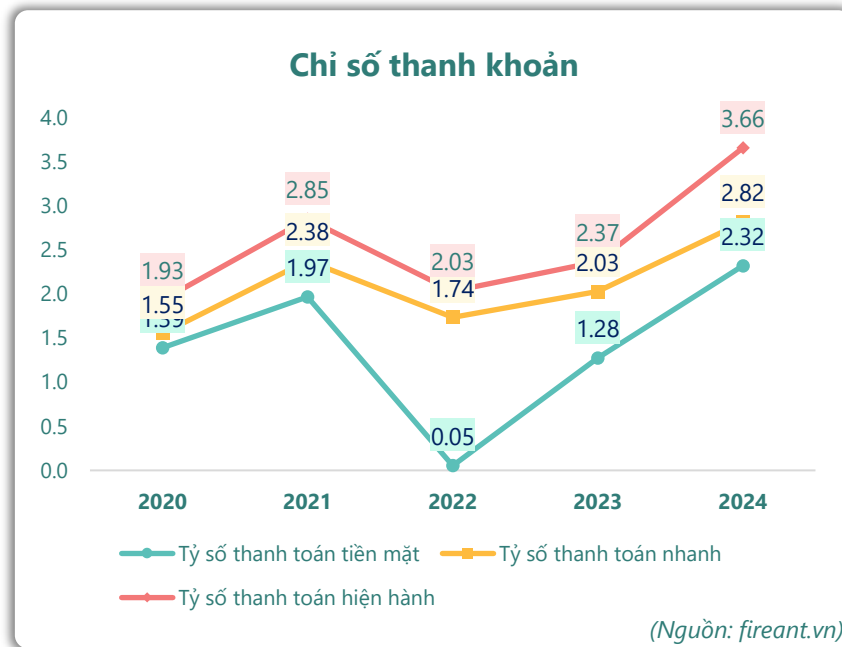
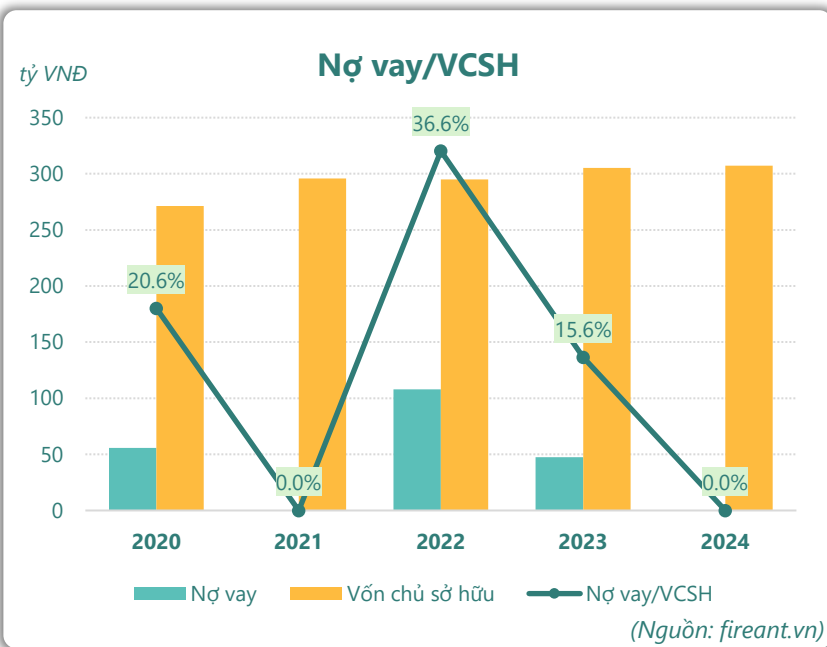
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	137	182	-24.6%	246	312	-21.3%
Giá vốn hàng bán	126	161	-21.6%	233	281	-16.8%
Lợi nhuận gộp	11.1	21.3	-47.7%	12.4	31.6	-60.6%
Doanh thu HĐTC	2.62	2.83	-7.4%	4.77	5.83	-18.2%
Chi phí TC	0.04	0.61	-93.3%	0.04	1.29	-96.8%
Chi phí lãi vay	0.04	0.61	-93.3%	0.04	0.61	-93.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.91	0.73	25.2%	1.38	1.27	8.2%
Chi phí QLDN	4.60	4.46	3.2%	8.94	8.81	1.5%
LN thuần từ HĐKD	8.20	18.3	-55.2%	6.86	26.1	-73.7%
Lợi nhuận khác	0.10	-0.10	198%	0.10	-0.10	196%
LN trước thuế	8.30	18.2	-54.4%	6.96	26.0	-73.2%
Lợi nhuận sau thuế	6.76	14.6	-53.7%	5.39	20.7	-73.9%
LNST của CĐ cty mẹ	6.76	14.6	-53.7%	5.39	20.7	-73.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.61	56.8	22.9	-58.3	12.9	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-226	33.6	280	-2.66	-34.7	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	32.7	-68.4	-47.8	-17.9	-0.03	0
Tiền đầu kỳ	210	6.37	28.4	284	205	0
Lưu chuyển tiền thuần	-203	22.0	255	-78.8	-21.9	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.37	28.4	284	205	183	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	407	396	2.9%
Tài sản ngắn hạn	340	323	5.4%
Tiền và tương đương tiền	216	205	5.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	55.0	10.0	450%
Phải thu ngắn hạn	24.7	31.9	-22.6%
Hàng tồn kho	43.0	74.3	-42.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.87	1.66	-47.7%
Tài sản dài hạn	67.0	72.8	-8.0%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	62.2	68.7	-9.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.78	4.14	15.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	114	88.5	28.8%
Nợ ngắn hạn	114	88.2	28.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	10.4	15.2	-31.8%
Nợ dài hạn	0.33	0.25	32.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	293	307	-4.6%
Vốn chủ sở hữu	293	307	-4.6%
Vốn điều lệ	180	180	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

